

Động thái của một số giá trị truyền thống trong bối cảnh toàn cầu hóa

HỒ SĨ QUÝ

I. Một cái nhìn chung về Việt Nam và vấn đề toàn cầu hóa

1. Những năm cuối thập niên 90 (thế kỷ XX), toàn cầu hóa được đón nhận ở Việt Nam tương đối nồng nhiệt. Nhưng ngay sau đó, kể từ khi UNDP công bố *Báo cáo phát triển con người* năm 1999 (mà nét chủ đạo trong Báo cáo này là đặt lại vấn đề về *toàn cầu hóa với gương mặt con người*, phê phán khá quyết liệt những mặt trái của toàn cầu hóa), thì toàn cầu hóa bị nhìn nhận một cách hoài nghi hơn¹. Đặc biệt, từ sau những cuộc biểu tình không kém phần sôi sục ở Nam Phi, Italia, Pháp, Mỹ... chống lại thái độ của một vài nước lớn đối với toàn cầu hóa (có những nơi cảnh sát đã can thiệp đến nỗi gây ra đổ máu), thì toàn cầu hóa đã bị nhiều quốc gia đối xử một cách đầy cảnh giác. Khái niệm *toàn cầu hóa tư bản chủ nghĩa* cũng được sử dụng phổ biến hơn trong các diễn đàn học thuật và chính trị thế giới.

Rõ ràng, toàn cầu hóa đã vượt ra khỏi phương diện kinh tế của nó. Và, những vấn đề nan giải thuộc khía cạnh văn hóa của toàn cầu hóa xuất hiện ngày càng nhiều.

2. Mặc dầu vậy, đến nay, số đông các nhà lý luận và chính trị - xã hội ở Việt Nam vẫn thừa nhận giá trị của toàn cầu hóa, coi toàn cầu hóa là một hiện tượng chứa đựng nhiều cơ may đối với sự phát triển: toàn cầu hóa tạo ra cơ hội cho nhiều nước, cho nhiều cộng đồng và cho nhiều cá nhân... Điều này khó có thể phủ nhận. Nhưng việc nắm bắt được cơ hội đó ở mức nào lại tùy thuộc đáng kể vào nội lực của từng chủ thể (quốc gia, dân tộc, cộng đồng, cá nhân...). Nước nghèo, người nghèo vì thiếu vốn, hạn chế về công nghệ và kỹ năng quản lý... nên tuy vẫn có nhiều cơ hội hơn trong toàn cầu hóa, song nắm bắt và tận dụng được cơ hội thật ra không dễ. Trong toàn cầu hóa, khoảng cách và trình độ phát triển của những nước nghèo lại có nguy cơ ngày càng cách xa các nước giàu, dễ gặp bất lợi khi phải gia nhập các chế tài toàn cầu, dễ bị tổn thương và gặp rủi ro... trong cạnh tranh, hợp tác quốc tế...

Hơn thế nữa, và đây mới là điều quan trọng, trong toàn cầu hóa, các *thang bậc giá trị mới về bạn và thù, về thành đạt và thất bại, về cơ may và rủi ro, về nội sinh và ngoại nhập*, v.v... đã ít nhiều khác trước². Hôm nay còn là bạn, ngày mai đã

¹ Xem: UNDP (1999), tr.1-13.

² Xem: Nguyễn Duy Quý (chủ biên, 2002), tr. 53-73.

rất giống kẻ thù; cái nội sinh nhưng lại được xuất hiện từ nhân tố ngoại nhập; 10 năm là cơ may, nhưng một ngày rủi ro có thể xóa sạch tất cả... những hiện tượng như vậy đầy rẫy trong toàn cầu hóa. Một vài quan niệm truyền thống đã không còn đúng nữa và có thể trở thành định kiến bảo thủ trên con đường phát triển.

Nhưng chắc chắn sẽ là sai lầm nếu quay lưng lại với toàn cầu hóa. Không thể đóng cửa hoặc từ chối hội nhập. Nghĩa là không thể đi ngược lại các xu hướng khách quan của các giá trị hiện đại: bước vào thế kỷ XXI, giao tiếp quốc tế, trao đổi thông tin, kết nối các hoạt động, tăng cường vốn con người, vốn xã hội... đã trở thành *một thứ văn hóa chung* chi phối mọi hoạt động sản xuất, dịch vụ, hoạt động khoa học và công nghệ, và cả những *hoạt động sống thường nhật của từng con người*. Đó là khuynh hướng buộc người ta phải chấp nhận. Với toàn cầu hóa, có những thứ đã trở thành hàng hóa một cách miễn cưỡng trong sự nuối tiếc, thậm chí cả những hiện tượng thuộc giáo dục và văn hóa truyền thống. Tất cả đều phải bày tỏ thái độ trước quan hệ thị trường toàn cầu hóa và xác định vị trí của mình trong hệ thống giá trị quốc tế.

Đến nay đã có đủ cơ sở để nhận định, điều đó không phải chỉ là tiêu cực. Đúng là làn sóng toàn cầu hóa có nguy cơ nhấn chìm tất cả những nét bản sắc tốt đẹp của một "type văn hóa" nào đó, nhưng với sự điều hành vĩ mô có bản lĩnh, thì toàn cầu hóa lại là cơ hội để mỗi cộng đồng phát triển với những nét độc đáo riêng biệt của mình. Trường hợp Việt Nam là một thí dụ: sau một số năm chủ động hội nhập, việc tham gia xu thế toàn cầu hóa thực sự đã mang lại những kết quả tích cực cho sự phát triển kinh tế - xã hội.

3. Điều đáng lưu ý là, quan điểm tương tự như Việt Nam cũng phổ biến ở tất cả các nước trong khu vực Đông Á và Đông Nam Á. ở khu vực này, các chính phủ (kể cả Malaysia, nơi lên án trực diện nhất và gay gắt nhất mặt trái của toàn cầu hóa), cũng đều chủ trương chấp nhận và tham gia toàn cầu hóa. Cho đến nay (2004), chưa có một cuộc biểu tình nào, một hội nghị nào, hay một diễn đàn nào... (phi chính phủ hoặc chính phủ) trực tiếp tẩy chay toàn cầu hóa (những cuộc biểu tình và hội thảo ở Nhật Bản, Hàn Quốc hay Malaysia có phê phán toàn cầu hóa, nhưng không phải là tẩy chay toàn cầu hóa theo kiểu ở Italia 2001, Nam Phi 2002, hay Pháp 2003...). Châu Á không phản ứng tiêu cực với toàn cầu hóa, ít ra thì cũng cho tới hôm nay.

Trong khi đó ở phương Tây, toàn cầu hóa ngày càng bị chỉ trích nặng nề. Điển hình cho những tư tưởng phản đối toàn cầu hóa ở Tây Âu có lẽ là nhà văn, nhà hoạt động xã hội Dennis Tillinac. Trong cuốn sách rất nổi tiếng của mình "Chiếc mặt nạ của sự phù du" (*Les masques de l'ephemere*), Dennis Tillinac hình dung, toàn cầu hóa là "sự diệt vong đang tới và đang được đón tiếp từng bưng". Nó là "con quỷ Frankenstein hống hách điều hành một thứ thú tính kỹ thuật cao, cái còn tệ hại hơn cả những lời tiên tri của Orwell và của Huxley, hoặc là một cuộc đấu tranh giai cấp trên quy mô toàn thế giới"³.

Tại sao châu Á không phản ứng tiêu cực với toàn cầu hóa? Ở đây có vấn đề cần

³ Trích theo: Nguyễn Văn Tường (2001).

phải suy ngẫm. Nguyên nhân kinh tế không đủ để giải thích. Chính những nguyên nhân văn hóa mới là chìa khóa để khám phá những bí ẩn của phương Đông hiện đại.

Dường như châu Á có lối đi riêng trong việc tiếp nhận những thành tựu văn minh hiện đại⁴. Trong thế kỷ XX, như nhiều nhà nghiên cứu phương Tây đã từng giải thích, chính văn hóa truyền thống Đông Á với các giá trị tích cực của nó như *cần cù, hiếu học, tôn trọng cộng đồng, gia đình, đề cao sự hòa hợp*, v.v... đã góp phần làm cho Nhật Bản và các nước NIC châu Á có chiến lược khéo léo sử dụng nhân tố con người, phát huy được nội lực trong khi chú trọng tiếp thu ngoại lực, kết hợp được văn minh phương Tây với văn hóa phương Đông... làm cho sự phát triển đạt tới "nhịp điệu rộng", nhanh chóng phồn vinh chỉ trong vài thập niên⁵.

Vậy trong toàn cầu hóa, lối đi riêng này của các quốc gia Đông Á có còn hay không? Các giá trị châu Á sẽ biến động như thế nào? Liệu có một lần nữa bắt được cơ may để đồng hành cùng với các giá trị ngoại sinh, phát huy bản sắc ưu trội của mình hay không?

II. Xu thế biến động của các giá trị trong quá trình toàn cầu hóa

1. Dễ dàng nhận ra rằng, trong toàn cầu hóa, *quốc gia dân tộc* không phải bao giờ cũng là đơn vị duy nhất có vai trò chế định các giá trị (thể hiện trong các chính sách, luật lệ, chế tài... đương nhiên, trước hết là trong lĩnh vực kinh tế), mà sự tồn tại đồng thời, ít nhất là của 4 thể chế (quốc gia dân tộc có chủ quyền; các cộng đồng quốc tế, khu vực; các thể chế quốc tế; các tổ chức kinh tế - chính trị - xã hội xuyên quốc gia) sẽ đảm nhận vai trò này. Nghĩa là, trong toàn cầu hóa, không ít giá trị khu vực, dân tộc, quốc gia sẽ giảm đi; hoặc tuy không giảm đi song vẫn trở nên nhỏ bé khi đứng cạnh các giá trị chung toàn cầu. Điều này, xảy ra trong kinh tế, nhưng không chỉ bó hẹp trong lĩnh vực kinh tế. Với toàn cầu hóa, mọi giá trị đều "vô tình" bị sắp đặt lại trong tương quan với bảng giá trị của các cộng đồng khác, của các quốc gia khác, của khu vực và quốc tế.

2. Về phương diện văn hóa, nét đặc sắc dân tộc, quốc gia trong quá trình toàn cầu hóa, cũng có thể vẫn là nét đặc sắc của dân tộc, quốc gia. Nghĩa là, nó vẫn được bảo tồn, lưu giữ... với tính cách là những hiện tượng độc đáo. Nhưng khả năng trở thành hàng hóa của những nét đặc sắc ấy sẽ lớn hơn. Cái độc đáo, đặc sắc của dân tộc, quốc gia sẽ (buộc phải) thể hiện tính độc đáo của nó bằng cách đem "bày bán ở thị trường", hoặc đem "triển lãm ở nơi công cộng". Trong toàn cầu hóa, hiện tượng văn hóa cũng sẽ phải thể hiện giá trị của mình bằng cách lưu truyền rộng rãi và điều đó không tránh khỏi làn sóng thương mại hóa.

Về đại thể, điều đó không đến nỗi là một hiện tượng tiêu cực. Nhưng cũng không hoàn toàn là tích cực. Một khi giá trị văn hóa đã trở thành hàng hóa thì chỉ ít nó cũng không thể còn là một giá trị nguyên vẹn được nữa. Về điều này, Lưu Hưởng Đông, một nhà thơ nổi tiếng người Trung Quốc tại cuộc Hội thảo *Thơ và toàn cầu*

⁴ Xem: Jac-Youl Kim (2003).

⁵ Xem: F. Fukuyama (1998), p. 23-27.// F. Fukuyama, S. Marwah (2000), p. 80-94.

hóa, Varsava, 10/2001 đã chỉ ra rằng:

"Toàn cầu hóa trong kinh tế không có nghĩa là cũng phải như vậy trong văn hóa. Lịch sử nhân loại chứng minh rằng, việc giao lưu kinh tế không đòi hỏi phải có chỗ dựa dưới dạng đồng nhất văn hóa. Vì thế sự cùng tồn tại của các nền văn hóa là điều kiện cơ bản cho sự phát triển của chúng. Các nền văn hóa với bản sắc riêng của mình là cần thiết đối với công cuộc phát triển văn minh"⁶.

Ở mức độ gay gắt hơn, Dennis Tillinac lên án:

"Giới tinh hoa chính trị, trí thức hay truyền thông khẳng định rằng người ta có thể điều hòa giữa bản sắc riêng với tính hiện đại. Đây là sự lừa dối lớn của thời đại chúng ta. Hiện đại hóa và bản sắc vốn không thể hòa hợp được với nhau. Hiện đại, cái mà người ta đang mong mỏi hiện nay, là sự mê tín đánh lộn sòng số lượng nhiều nhất với chất lượng tốt nhất. Việc thần phục kỹ thuật nhổ bật đi gốc rễ của lương tri và tước khỏi con người chính số phận của mình"⁷.

Rõ ràng, chẳng phải vô cớ mà người ta lo ngại về sự thu hẹp các giá trị trong toàn cầu hóa.

3. Trong toàn cầu hóa, giá trị xuyên quốc gia trở nên phổ biến hơn. Điều này, đôi khi, có thể làm nảy sinh mâu thuẫn giữa giá trị xuyên quốc gia với các giá trị khác, đặc biệt khi cá nhân hoặc cộng đồng nào đó chỉ quan tâm đến lợi ích cục bộ của mình. Ở những trường hợp như thế, sự tương thích về giá trị sẽ bị phá vỡ.

Gần đây, một nhóm các nhà nghiên cứu Trung Quốc khi khảo cứu một số hiện tượng văn hóa phi vật thể Trung Hoa cổ mới chợt nhận ra rằng, hóa ra tư liệu về những hiện tượng văn hóa ấy, đặc biệt việc duy trì chúng trong đời sống cộng đồng đã không còn tồn tại ở Trung Quốc nữa. Dấu vết cũng như tư liệu về các hiện tượng đó chỉ còn tồn tại ở nước ngoài, nơi những người di cư do các nguyên nhân nào đấy đã đem theo và bảo quản được. Hiện tượng này cũng không đến nỗi hiếm ở các cộng đồng di cư khác, đặc biệt, với những dân tộc đã một thời là thuộc địa của thực dân châu Âu - cũng dễ hiểu tại sao trong các bảo tàng văn hóa nằm ở hải ngoại, các hiện vật, tư liệu phản ánh văn hóa các dân tộc thuộc địa lại phong phú đến thế. Trong toàn cầu hóa, sẽ xuất hiện những sưu tập văn hóa rất bài bản của một dân tộc này lại được thực hiện ở một quốc gia khác; sẽ có những người nước ngoài nói về văn hóa của một dân tộc nào đó hay hơn nhiều chuyên gia của chính dân tộc đó nói về mình⁸.

4. Trong toàn cầu hóa, phản giá trị xuyên quốc gia cũng tăng lên. Đây là một vấn đề nổi cộm của xã hội hiện đại. Nếu như vào những năm 80, sự lộng hành của các nhóm khủng bố người Algieria chỉ là vấn đề riêng của quốc gia này, thì ngày nay, hoạt động của tổ chức Abu Seiaf ở Philipine, hoạt động của giáo phái Aum ở Nhật bản, hoạt động của các nhóm phiến quân Chechel' ở Nga, và đặc biệt là hoạt động của các nhóm khủng bố Hồi giáo cực đoan... đã lây lan nhanh chóng và trở thành vấn

⁶ Lưu Hướng Đông (2001).

⁷ Trích theo: Nguyễn Văn Tường (2001).

⁸ Xem: Lưu Hướng Đông (2001).

đề nhúc nhối của nhiều quốc gia. Cùng với điều đó, tội phạm xuyên quốc gia, đại dịch HIV/AIDS, nạn buôn bán phụ nữ, nạn rửa tiền, v.v... cũng đã thường xuyên xuất hiện trên bàn nghị sự của nhiều chính phủ. Hàng loạt giá trị nhân bản trong văn hóa truyền thống của nhiều cộng đồng đã thui chột hoặc tan vỡ vì những hiện tượng này. Về tình trạng này, Dennis Tillinac phê phán:

Toàn cầu hóa là "sự hạ thấp những tư tưởng và những giá trị để nhường chỗ cho những đồ vật trong trao đổi, việc tập trung tư bản tăng nhanh, việc dân dã hóa những cái thiêng liêng, sự vô văn hóa của lớp người giàu có mới, sự kết thúc của nghệ thuật sống, sự hủy hoại của cảm xúc, sự khô kiệt của những ham muốn, sự khô cằn của nghệ thuật phương Tây, sự tan rã của cấu trúc gia đình, sự xóa bỏ mọi ký ức ở lớp trẻ, nhịp độ điên cuồng của các hiện tượng *mốt*, việc sẵn sàng có những hành động xâm phạm tàn bạo, chính trị bị kinh tế ngấm dấm, sự mong manh của quan hệ giữa con người với con người"⁹.

Có thể cho rằng, thái độ của Dennis Tillinac có phần cực đoan, song điều ông lên án không phải là bịa đặt. Phải gọi tình trạng đó là sự lộng hành của phản giá trị, hay nói theo cách nói của C. Mác, *sự thắng lợi của kỹ thuật đã được mua bằng cái giá của sự suy đồi về mặt tinh thần*¹⁰.

5. Trong toàn cầu hóa, thực trạng phát triển con người trên phạm vi thế giới đang có những mâu thuẫn cực kỳ sâu sắc: toàn cầu hóa mở ra những cơ hội tốt lành cho rất nhiều người, nhưng đồng thời cũng lại làm tăng thêm khoảng cách giữa hàng triệu người. Thật khó che giấu, sự vi phạm quyền con người, tình trạng bất công, sự đe dọa an sinh xã hội, nạn nghèo đói, bản cùng... trong khi được giảm đi ở nơi này, trong lĩnh vực này thì lại tăng lên ở nơi kia, trong lĩnh vực kia. Toàn cầu hóa đã biến một số người trở thành "thượng lưu" còn một số (rất tiếc, lại là số đông) như bị rơi vào một thế giới xa lạ.

Ngay ở Việt Nam, cũng đã có sự khác biệt đáng kể giữa các tầng lớp cư dân trong việc tiêu dùng các giá trị hàng hóa. "Thế giới đồ vật" của người nghèo và của người giàu đã chênh lệch tới mức không thể "đối thoại" được với nhau. Tuy nhiên sự khác biệt ấy chưa phải là đáng nói nhất. Sự khác biệt về tiêu dùng giá trị văn hóa mới là cái đáng quan tâm hơn. Hiện nay, chỉ một bộ phận những người có ngoại ngữ, có tri thức cao, có điều kiện vật chất là được sống trong thế giới của Internet, của những tụ điểm ca nhạc, giải trí đắt tiền, của những loại hình thể thao sang trọng... ở đó thông tin, tri thức, âm nhạc, giải trí và các quan hệ... khác nhiều với cuộc sống bên ngoài. Số đông còn lại (kể cả một bộ phận trí thức) không hề biết ở đó có những gì. Ấy là chưa nói tới hiện tượng tiêu dùng "văn hóa đen" của một bộ phận những người nhiều tiền nhưng tha hóa về quan niệm sống. Toàn cầu hóa, trong một số trường hợp dường như cũng tiếp tay cho họ.

Như vậy, toàn cầu hóa với bộ mặt phức tạp của nó đang làm cho hệ thống các

⁹ Trích theo: Nguyễn Văn Trường (2001).

¹⁰ C.Mác và Ph. Ăngghen. *Toàn tập* (1993), tr. 11.

giá trị thay đổi đáng mừng và cũng đáng lo. Điều mà chúng tôi muốn nói ở đây là, sự biến động của các giá trị trong toàn cầu hóa không phải là không tuân theo những quy luật nào đó; thậm chí, một số xu hướng biến động của các giá trị đến nay đã thể hiện khá rõ. Con người, mà trước hết là những người có trách nhiệm, cần chủ động nắm bắt quy luật và các xu hướng đó. Nắm được quy luật là nắm được tương lai; tương lai không bao giờ thuần túy là cái tiền định.

III. Toàn cầu hóa và sự biến động của một số giá trị truyền thống ở Việt Nam

1. Về giá trị "hiếu học, đề cao giáo dục".

Trong bài "Về tính hiếu học của người Việt xưa và nay" đăng trên nhiều báo và tạp chí năm 2001, GS. Cao Xuân Hạo than phiền rằng:

"Cái truyền thống hiếu xưa kia nay vẫn còn. Nhưng nó chỉ còn sống sót trong một số người thuộc những gia đình có nền nếp: đó là những gia đình đã có vài đời làm nhà giáo, làm thầy thuốc, làm kỹ sư hay là nghệ sỹ, nghĩa là làm nghề lao động trí óc mà vẫn còn tin ở giá trị học vấn mặc dầu những sự thật được chứng kiến hàng ngày hoàn toàn phủ định nó. Nó cũng được tiếp tục trong một số người không có truyền thống gia đình trí thức nhưng nhờ sự giáo dục của nhà trường, của sách vở và nhờ ảnh hưởng của những người thầy ưu tú đối với những học trò ưu tú nhất của họ. Tuy nhiên, nó đang chịu sức xói mòn rất mạnh của cuộc sống thực tế khiến cho nó mai một đi một cách chắc chắn và mau chóng, đến mức bây giờ ai còn nói đến đức tính hiếu học của người Việt đều không khỏi cảm thấy ngượng nghịu ít nhiều; không biết có thật là người Việt có truyền thống hiếu học không, và nếu có, thì bây giờ nó còn tồn tại nữa hay không"¹¹.

Theo chúng tôi, nhận xét vừa dẫn cũng như tinh thần chung toàn bài báo của GS. Cao Xuân Hạo là đầy tâm huyết và có hạt nhân hợp lý của nó. Tác giả cũng đưa ra nhiều thí dụ để minh chứng cho quan điểm của mình; có những thí dụ cũng khá xác đáng. Tuy vậy, nếu ngẫm nghĩ một chút thì mức độ khách quan của nhận xét này rõ ràng là còn phải bàn cãi. Đúng là thực trạng giáo dục và đào tạo ở Việt Nam đang có rất nhiều vấn đề, thậm chí có những vấn nạn rất bức xúc¹². Cũng đúng là mô hình hiếu học theo kiểu của các thế hệ cha anh, hiện đã ít hơn so với trước đây. Tuy nhiên, tinh thần hiếu học của người Việt Nam thì chưa chắc đã vì thế mà suy giảm đi.

Với suy nghĩ như vậy, chúng tôi cho rằng, ý kiến vừa nêu cần phải được kiểm tra. Chúng tôi đã tiến hành những nghiên cứu định lượng để hiểu rõ hơn diện mạo của giá trị hiếu học trong điều kiện hiện nay và đối chiếu nó với bảng giá trị truyền thống. Quả thực đây là một ý tưởng nghiên cứu không dễ chút nào, vì hầu như mọi lập luận cũng như mọi minh chứng đều có thể tìm ra được lý lẽ để bác bỏ, nếu cố gắng phản bác từ những góc độ khác. Mặc dầu vậy, nổi trội hơn cả vẫn là những căn

¹¹ Cao Xuân Hạo (2001), tr. 313.

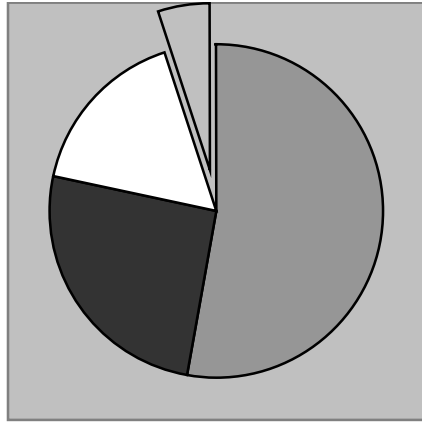
¹² Xem: Trả lời chất vấn của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo 14/11/2003. Đại học Quốc gia Hà Nội - 1999).

cứ cho thấy *hiếu học* là giá trị không dễ mai một. *Nhu cầu kiếm sống trong xã hội hiện đại không phải lúc nào cũng mâu thuẫn với nhu cầu nhận thức. Hơn thế nữa, nhu cầu nhận thức đối với mọi tầng lớp cư dân hiện nay cũng không hề thấp hơn nhu cầu kiếm sống, nếu không muốn nói là trong nhiều trường hợp người ta cần hiểu biết hơn là cần ăn, cần con cái học hành hơn là cần kiếm tiền. Một khi con người vẫn còn thấy cần thiết phải hiểu biết sâu hơn về xã hội và về đời sống...(nhu cầu nhận thức), thì giá trị hiếu học vẫn chưa thể mất đi chỗ đứng của nó trong đời sống tinh thần xã hội; nghĩa là hiếu học vẫn còn cơ sở khách quan để tồn tại với tính cách là một giá trị, hơn nữa một giá trị thiết yếu.* Vấn đề chỉ là ở chỗ, hiếu học tồn tại với diện mạo như thế nào trong điều kiện hiện nay.

Trong cuộc điều tra "Người Việt Nam trong quan niệm của các tầng lớp cư dân tiêu biểu" của Đề tài KX.05.01, với những người được phỏng vấn là đại biểu của các tầng lớp cư dân chiếm số đông (công nhân - thợ nghề nghiệp, nông dân, quân đội, trí thức; nhà doanh nghiệp, tiểu thương; người đã đi nước ngoài, người chưa đi nước ngoài; người có học vấn, người ít học và mù chữ), trên các địa bàn tiêu biểu của cả nước (Lạng Sơn, Hà Nội, Hà Tĩnh, Đà Nẵng, thành phố Hồ Chí Minh, Cần Thơ), chúng tôi đã cố gắng kiểm tra thái độ (sự đánh giá và kiểm chứng) của người được phỏng vấn về *những phẩm chất tiêu biểu của người Việt* thông qua hàng loạt chỉ báo trực tiếp và gián tiếp khác nhau. *Hiếu học* là một trong những phẩm chất được đưa ra để kiểm tra mức độ tán đồng hay phản đối của người được phỏng vấn.

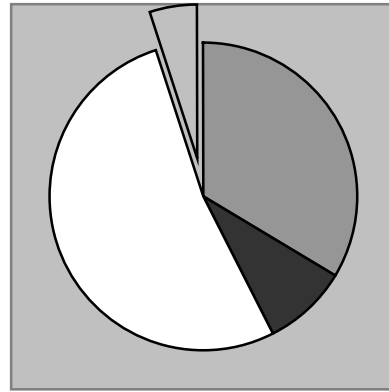
Trong số 1043 người được phỏng vấn, có tới 1009 người = 96,9% đồng ý với quan điểm coi hiếu học là một phẩm chất nổi trội của người Việt; trong đó, 609 người = 58,4% số người được hỏi hoàn toàn đồng ý. Người phản đối chỉ chiếm 0,6%. Người cảm thấy băn khoăn chỉ chiếm 1,3%. Đây là những con số phản ánh một quan niệm chiếm ưu thế tuyệt đối ở người Việt. Đương nhiên, những con số này mới chỉ nói lên quan niệm của người Việt về giá trị của mình - người được hỏi nghĩ rằng họ là người như thế nào. Bởi vậy chúng tôi đã có câu hỏi bổ sung nhằm vào cảm giác xấu hổ của các bậc cha mẹ khi con cái họ học hành thua kém. Khi được hỏi ông bà có thấy xấu hổ khi con mình học hành không bằng con người khác hay không, 78,3% số người được hỏi đồng ý rằng đáng xấu hổ khi con mình học hành thua kém con người khác, trong đó, 25,7% hoàn toàn đồng ý, 16% phản đối, 4,8% cảm thấy băn khoăn. Xin lưu ý: xấu hổ là một trong những chỉ báo rất đáng tin cậy thể hiện các phẩm chất người, đặc biệt những phẩm chất đạo đức; dĩ nhiên, loại trừ biểu hiện xấu hổ ở những người có thần kinh không bình thường.

Điều thú vị là, khi được hỏi: "Ông, bà có thấy xấu hổ khi mình nghèo hơn người khác hay không?" chỉ 42,4% số người được hỏi đồng ý. Nghĩa là số người cảm thấy xấu hổ vì con mình học hành không bằng con người khác nhiều gần gấp đôi số người cảm thấy xấu hổ vì mình nghèo hơn người khác. Như vậy có tới 35,9% số người được hỏi không thấy xấu hổ vì nghèo hơn nhưng lại thấy xấu hổ vì con mình dốt hơn so với người khác.



■ xấu hổ 52,7%
 ■ rất xấu hổ 25,7%
 □ không 16,7%

Xấu hổ vì con mình học hành không bằng con người khác



■ xấu hổ 33,7%
 ■ rất xấu hổ 8,7%
 □ không 52,6%

Xấu hổ vì mình nghèo hơn người khác

Chúng tôi còn kiểm tra thêm giả thiết về mối tương quan giữa nghèo đói và hiếu học bằng câu hỏi con nhà giàu hay con nhà nghèo hiếu học hơn. Kết quả cho thấy, trong quan niệm của số đông người được hỏi, hiếu học không tăng lên tỷ lệ thuận theo sự giàu có. Giàu có hơn không đi liền với hiếu học hơn. Thậm chí, ngược lại; 66,6% người được hỏi cho rằng, con nhà nghèo thường hiếu học hơn con nhà giàu. Số người tin tưởng tuyệt đối vào quan niệm này là 19,2%. Số người phản đối chiếm 23,7%. Số người cảm thấy băn khoăn chiếm 9,6%. Theo chúng tôi, các số liệu này có lẽ phản ánh đúng thực tế. Mặc dù ai cũng biết, nghèo đói thì rất khó có điều kiện để học hành tốt trong xu thế kinh tế thị trường như hiện nay. Nhưng điều đó cũng không ngăn cản trẻ em ham học. Thậm chí, trong không ít trường hợp, trẻ em nghèo lại bị thôi thúc bởi ý muốn thoát nghèo nên có chí học hành hơn. Số lượng học sinh ở nông thôn thi đỗ và đỗ điểm cao vào các trường đại học ba năm gần đây tăng lên nhiều đã gián tiếp phản ánh điều này.

Đức tính hiếu học, về nguyên tắc, gắn với việc xác định mục đích của việc học. Có tới 73,5% số người được hỏi muốn con mình trở thành trí thức; trong khi chỉ có 23,7 % số người được hỏi muốn con mình trở thành người giàu có và 26,6 % số người được hỏi muốn con mình trở thành người có chức quyền. Dĩ nhiên, con số 73,5% chỉ phản ánh nguyện vọng của người được hỏi, cho nên chắc chắn chỉ một phần trong số đó là nguyện vọng trực tiếp, phản ánh người được hỏi đang phấn đấu để con mình trở thành trí thức. Tuy vậy, chúng tôi cho rằng, người ta sẽ không nói muốn con cái trở thành trí thức, nếu họ không đề cao việc học hành. Trong số liệu điều tra, chỉ 1,3 % số người được hỏi "không muốn con trở thành trí thức", trong khi đó số người "không thích chức quyền, không muốn con cái trở thành người có chức có quyền" nhiều hơn (4,3%) và không mong ước trở thành người giàu có còn nhiều hơn nữa (29,4%).



Nếu những kết quả điều tra vừa dẫn ra ở trên có thể tin cậy được, thì không thể đưa ra một kết luận nào khác là hiện nay, hiếu học vẫn là một phẩm chất ưu trội của người Việt chúng ta.

2. Về giá trị "cần cù, yêu lao động"

Có một số ý kiến cho rằng, ngày nay người lao động, đặc biệt lớp trẻ không còn cần cù như thế hệ trước; đức tính cần cù nói chung đã giảm đi nhiều. Căn cứ của ý kiến này là tình trạng thiếu hụt về lao động có tay nghề cao, tình trạng mai một người giỏi trong các nghề thủ công truyền thống, tình trạng thanh niên nông thôn không muốn làm việc trong sản xuất nông nghiệp, tình trạng học sinh đã tốt nghiệp phổ thông trung học không muốn vào các trường dạy nghề, tình trạng người được đào tạo bỏ sang làm các nghề khác, v.v...

Theo chúng tôi, tình trạng nói trên là có thật, song lại không phản ánh sự suy giảm của giá trị "cần cù, yêu lao động".

Với tính cách là một giá trị con người, cần cù có thể được hiểu là sự nhiệt tình với nghề nghiệp; lòng yêu lao động, yêu công việc; tính trách nhiệm đối với công việc; đức tính kiên nhẫn, chịu khó trong lao động... nhằm đạt tới kết quả lao động tốt nhất. Trên bình diện xã hội, giá trị cần cù được hiểu là sự đề cao tinh thần yêu lao động, đề cao tính năng động, đề cao hiệu quả lao động... của cộng đồng. Nếu tạm hiểu như thế thì trong toàn cầu hóa, giá trị "cần cù" ở Việt Nam chẳng những không giảm đi mà còn có xu hướng tăng lên.

Dễ thấy là trong toàn cầu hóa, điều kiện lao động cả ở nông thôn cũng như ở thành thị tốt hơn trước nhiều lần. Xã hội Việt Nam đang trong quá trình chuyển đổi. Toàn cầu hóa làm biến chuyển cơ cấu lao động cũng như kỹ năng lao động theo chiều hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Lao động nặng nhọc đã giảm hẳn. Người lao động có điều kiện để yêu lao động hơn, yêu công việc của mình hơn so với trước đây 10-20 năm. Tình trạng thiếu việc làm, dòng người lao động từ nông thôn đổ ra thành thị kiếm việc, nhìn từ một phía nào đấy, cũng biểu hiện tinh thần yêu lao động.

Trong toàn cầu hóa, nhịp sống của cả nông thôn và thành thị ở Việt Nam đã

sôi động hơn trước kia gấp nhiều lần. Ở khu vực nông thôn, số giờ lao động trung bình trong một tuần của một lao động sản xuất nông nghiệp là 21,02 giờ, trong những lúc cao điểm (mùa vụ thu hoạch hoặc gieo trồng) số giờ lao động trung bình trong một tuần lên đến 54,92 giờ. Với những lao động phi nông nghiệp, số giờ lao động trung bình của một lao động trong một tuần là 44,77 giờ; trong đó phụ nữ làm việc 46,82 giờ/tuần và lao động nam giới làm việc 46,73 giờ/tuần. Tại các thành phố, tính trung bình số giờ làm việc của một lao động nhiều hơn ở nông thôn là 4,79 giờ/tuần. Ngay cả những người trên 65 tuổi cũng làm việc tới 38,26 giờ/tuần¹³. Số giờ lao động trung bình hàng tuần như vậy là khá cao. Chúng tôi coi đây là một chỉ báo của giá trị *cần cù*.

Tại các thành phố lớn, nhất là thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội, nhịp sống đặc biệt sôi động. Có ý kiến nói rằng mức độ sôi động của thành phố Hồ Chí Minh ngang bằng với Đài Bắc (Đài Loan), chỉ kém chút ít so với Bangkok của Thái Lan. Người ta dự báo tới đây thành phố Hồ Chí Minh cũng sẽ gia nhập đội ngũ những thành phố châu Á "sôi òng ọc" suốt ngày đêm. Nguyên nhân của điều này không phải do mức sống, cũng không phải do tính năng động của con người, mà do đặc điểm văn hóa Đông Á quy định. Nhịp sống các thành phố lớn châu Á khác hẳn so với nhiều thành phố châu Âu, nơi mà mức sống chung của cư dân và tính năng động của con người cũng ở trình độ rất cao.

Trong toàn cầu hóa, rõ ràng nhịp sống xã hội và hoạt động lao động của con người sôi động và căng thẳng hơn trước nhiều. Đó là chưa kể đến sự giao tiếp quốc tế xuyên qua các múi giờ do công nghệ thông tin cho phép. Trái đất dường như nhỏ lại; việc sử dụng Internet sau 0 giờ đã là nếp bình thường với nhiều gia đình. Điều chúng tôi muốn nói là, tất cả những hoạt động đó không phải do hoàn cảnh ép buộc. Con người tự nguyện và còn cảm thấy thoải mái với nhịp sống, nhịp hoạt động như vậy. Điều đó phải được coi là biểu hiện của đức tính *cần cù*.

Ngoài ra, nếu stress là chỉ báo bất đắc dĩ của cần cù lao động, như một vài nghiên cứu đã khẳng định, thì ở Việt Nam hiện nay, rõ ràng nhiều người lao động bị stress hơn trước kia.

3. Về giá trị "cộng đồng, gia đình"

Tôn trọng cộng đồng, đề cao gia đình là một giá trị truyền thống của xã hội Việt Nam và các nước thuộc văn hóa Đông Á. Một nghiên cứu vào năm 2001 của các tác giả *Dự án Điều tra giá trị thế giới* (WVS) cũng tái khẳng định điều này: ở Việt Nam, vai trò của gia đình được 82% những người trả lời phỏng vấn coi là "rất quan trọng" và 88% những người trả lời phỏng vấn nghĩ rằng *quan tâm hơn nữa đến cuộc sống gia đình là một điều tốt*. Theo các tác giả này, "khi so sánh với các nước Đông Á khác trong Điều tra giá trị thế giới 1995-1998, Việt Nam xếp ở vị trí cao nhất về lòng tôn trọng đối với cha mẹ"¹⁴. Tuy nhiên, các tác giả này cũng dự báo rằng, trong quá

¹³ Tổng cục Thống kê (2001), tr.152-153.

¹⁴ Russell J. Dalton,... (2002).

trình toàn cầu hóa, cơ cấu quyền lực của các quan hệ gia đình đang dần dần bị xói mòn, và điều đó làm cho các khía cạnh xã hội và chính trị liên quan tới quyền lực gia đình cũng thay đổi theo, mặc dù vai trò xã hội của gia đình có thể vẫn được duy trì ở mức cao.

Nhận định nêu trên là hoàn toàn phù hợp với các nghiên cứu khác về sự biến động của quan hệ cộng đồng huyết tộc và quan hệ gia đình ở Việt Nam. Dễ thấy rằng, trong toàn cầu hóa, nếp sống gia đình ở xã hội Việt Nam cũng khó tránh khỏi xu hướng chung của các xã hội đã bước vào công nghiệp hóa: do nhịp sống hiện đại căng thẳng, do yêu cầu khách quan của các hoạt động xã hội thời đại thông tin, ở nhiều gia đình, việc gặp gỡ nhau giữa các thành viên cũng trở nên khó khăn. Giao tiếp trong nội bộ gia đình giảm đi so với trước. Số lượng gia đình nhiều thế hệ cũng ít đi, vì được tách ra thành các gia đình hạt nhân (chỉ có cha mẹ và con cái). Sự khác biệt giữa các thế hệ về thị hiếu, về quan niệm sống, về các giá trị... tăng lên.

Về phương diện xã hội, các quan hệ xã hội có liên quan tới quyền lực gia đình cũng đã bắt đầu thay đổi. Kinh doanh, hợp tác theo các quan hệ huyết tộc không còn chiếm ưu thế như thời kỳ xã hội mới bắt đầu tập làm quen với cơ chế thị trường. Về phương diện kinh tế, việc kinh doanh, hợp tác... có xu hướng nghiêng về mở rộng các quan hệ ngoài huyết tộc, trong đó có cả các quan hệ xuyên quốc gia, quốc tế.

Và điều này phải được coi là một sự biến đổi tích cực.

Kết luận:

1. Đời sống con người, ngay cả trong điều kiện toàn cầu hóa cũng không chỉ diễn ra trong *thế giới các đồ vật*, mà còn diễn ra trong *thế giới các giá trị*. Không chú trọng hoặc vi phạm *mặt giá trị* của quá trình toàn cầu hóa, đời sống con người (mà đặc biệt là con người ở những nền văn hóa có bề dày truyền thống như Việt Nam) sẽ trở nên mất hết "hồn vía".

2. Các giá trị con người đang biến động đáng kể trong làn sóng toàn cầu hóa. Tuy thế, khi phê phán những biến động tiêu cực, đừng quên rằng đó chỉ là *mặt tiêu cực* của những hiện tượng đang biến động hoặc đang nảy sinh. Còn một mặt khác *cũng rất căn bản và cũng chiếm ưu thế* - mặt tích cực của quá trình toàn cầu hóa. Có không ít những biến đổi tích cực đang tạo ra "cơ may" cho sự phát triển.

Tài liệu trích dẫn

1. Dan Waters. *Thế kỷ XXI - phương thức quản lý vượt trên cả người Nhật và người Trung Quốc*. Nxb. Chính trị Quốc gia. Hà Nội - 1998.
2. Đại học Quốc gia Hà Nội (1999). *Giáo dục Việt Nam: hiện trạng, thách thức và giải pháp*.
3. Eraxov. B.C (1987), *Vấn đề bản sắc của các nền văn minh ngoài phương Tây*. Những vấn đề triết học. (Nga).
4. Francis Fukuyama (1998), *Asian Value and the Asian Crisis*. "Commentary", Feb, 1998.

5. Francis Fukuyama, Sanjay Marwah (2000), *Comparing East Asia and Latin America. Dimensions of development*. Journal of Democracy, Vol 11, No 4.
6. Cao Xuân Hạo (2001), *Tiếng Việt, văn Việt, người Việt*. Nxb Trẻ, thành phố Hồ Chí Minh.
7. Jae-Youl Kim (2003), *What Are Asian Values in the Twenty-First Century?* Proceedings of international conference *Research on culture, man and human resources at the beginning of the 21st century*. Hanoi, November 27th-28th, 2003.
8. Ioanna Kucuradi (2003), *Philosophy facing world problems*. The 21st world congress of philosophy. Istanbul, Turkey, August 10-17.
9. Lưu Hướng Đông (2001), *Thi ca và toàn cầu hóa*. Tham luận tại "Mùa thu thơ Varsava lần thứ 30, 11-14/10/2001. Báo Văn nghệ số 45(10-11/2001).
10. Dr. Mahathir Mohamad (2000), *The Asian values debate. Politics, Democracy and the New Asia*. Selected Speeches by Dr Mahathir Mohamad, *Volum 2*, Kuala Lumpur.
11. C.Mác và Ph. Ăngghen. *Toàn tập* (1993), t. 2. Nxb Chính trị Quốc gia. Hà Nội.
12. Ngân hàng thế giới (2004): *Báo cáo phát triển thế giới 2004*. Nxb Chính trị Quốc gia. Hà Nội.
13. Nguyễn Duy Quý (chủ biên, 2002): *Thế giới trong hai thập niên đầu thế kỷ XXI*. Nxb Chính trị Quốc gia. Hà Nội.
14. Russell J. Dalton, Phạm Minh Hạc, Phạm Thành Nghị & Ông Thụy Như Ngọc (2002). *Quan hệ Xã hội và Nguồn vốn Xã hội ở Việt Nam: WVS 2001*. Tạp chí *Nghiên cứu Con người* số 2/2002.
15. Tổng cục Thống kê (2001), *Điều tra mức sống dân cư Việt Nam*. Nxb Thống kê. Hà Nội.
16. Trả lời chất vấn của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo trước Quốc hội ngày 13/11/2003. Báo *Nhân dân*, báo *Thanh niên*, báo *Tiền Phong*, báo *Lao động...* ngày 14/11/2003.
17. Nguyễn Văn Tường (2001), *Nhân loại trước sự lựa chọn thiên niên kỷ*. Báo Văn nghệ số 38 (22-9/2001).
18. UNDP (1999), *Human Development Report, 1999*. Oxford University Press.